TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần hội dồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Võ Văn Dũng;

2.Ông Đặng Ngọc Thương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Thanh Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1051/2017/TLST- HNGĐ ngày 30/10/2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, Thông báo mở phiên tòa số 01/2018/TB-MPT ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

2.Bị đơn: Anh Hoàng Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Phường 10, thành phố T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2017 và quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Hoàng Đ tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau.Nay chị Q xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn.

Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 04-3-2014. Chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc tại Tòa, bị đơn anh Hoàng Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Q tìm hiểu 05 năm thì đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường D, thành phố T. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây, do anh làm ăn thất bại nên vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 10-2016, chị Q giận dỗi bế con bỏ đi nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, anh vẫn đến thăm con và chu cấp đầy đủ cho con. Nay anh xét thấy còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 04-3-2014. Anh Đ cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật TTDS năm 2015.

Tại phiên tòa thư ký, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các điều 51, 63, 239, 243, 248, 249, 250, 251, 260 Bộ luật TTDS năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71, 234 Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật TTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 18-9-2017 chị Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện ông Hoàng Đ về việc xin ly hôn. Chị Q và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn là anh Đ có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP. Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Hoàng Đ chung sống có đăng ký kết hôn ngày 12-3-2013 tại UBND phường D, thành phố T, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Q và anh Đ đều xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q trình bày là do bất đồng quan điểm sống, cách sống; anh Đ ham mê chơi bời, không quan tâm với vợ con; còn anh Đ cho rằng xuất phát từ vấn đề kinh tế, do anh làm ăn thất bại nên vợ chồng phát sinh bất đồng trong công việc kinh doanh. Hai vợ chồng hiện đã ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay chị Q xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ còn anh Đ cho rằng anh còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết vợ chồng anh Đ, chị Q nảy sinh mâu thuẫn cả năm nay, chị Q đã bỏ nhà đi, hai vợ chồng đã ly thân. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho chị Q và anh Đ nhưng không đạt được kết quả.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Q và anh Đ là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Q và anh Đ xác nhận có một con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 04-3-2014. Chị Q và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy, chị Q có công viện ổn định, hiện nay cháu Bảo đang thực tế sống chung với mẹ, nhằm không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao con cho bà Q nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[2.3] .Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4].Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5].Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28; Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Đ.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 04/3/2014. Chị Nguyễn Thị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Hoàng Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008284 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu. Chị Q đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPVT;
- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND P. D, TP.VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang